TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1258/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4006/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: $10/12^{A}$ đường LĐT, Phường MS, quận GV, Thành phố H

Bị đơn: Ông Tony N, sinh năm 1987.

Địa chỉ thường trú: 63067 Offenbanch am Main Lilistr 13, Germany

Địa chỉ liên lạc: 60599 Frankfrurt Am Main, Kochstrabe 26, Hessen, Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, bà Bùi H - nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, Bà và ông Tony N tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (vào sổ đăng ký kết hôn số 2106, quyển số 11 ngày 25/8/2015).

Sau khi kết hôn, ông Tony N quay về Đức làm việc nên vợ chồng không có điều kiện sống chung với nhau, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, email…; tháng 6/2016, do Bà phát hiện chồng có con

riêng với người khác bên Đức nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn, từ cuối năm 2016 đến nay Bà và ông Tony N không còn liên lạc với nhau nữa.

Bà H cho rằng cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định để triệu tập và thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhưng ông Tony N vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Bùi H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Tony N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi H và ông Tony N là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại quận GV, Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 22/10/2018 Tòa án nhân dân Thành phố H đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông Tony N theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời thông báo cho bị đơn biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 18/12/2018, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Liên bang Đức thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp cho ông Tony N; tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn. Đến ngày mở lại phiên tòa lần 2, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời đồng thời ông Tony N không có mặt nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 09/7/2018, nguyên đơn bà Bùi H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn (vào sổ đăng ký kết hôn số 2106, quyển số 11 ngày 25/8/2015) do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi H và ông Tony N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi H thì ông Tony N sinh sống, làm việc ở Đức còn Bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện sống chung với nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, sau đó do bà H không chấp nhận việc chồng có con riêng nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được; từ cuối năm 2016 đến nay cả 02 không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Tony N biết yêu cầu ly hôn của bà Bùi H và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Tony N không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Nay bà H có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi H chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi H được ly hôn với ông Tony N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0044807 ngày 13/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Tony N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H;
- Cục THADS Tp.H;
- UBND Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan